TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 65 /2017/DS- ST

Ngày 06 - 9 - 2017

"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lê Thị Thu Ba**

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Huỳnh Thanh Trà**

2. Ông **Huỳnh Tiễn**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Đức Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu TP Đà Nẵng tiến hành công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số 128/2017/TLST-DS ngày 24/4/2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2017/QĐST- DS ngày 20/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2017/QĐST DS ngày 14/8/2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Việt Nam T (tên giao dịch VPB)**. Hội sở chính: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Ông **Trương Ngọc Á** - Trú tại: Số 353 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng là nhân viên Ngân hàng tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền lại số 124/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 28/3/2017 của ông Lê Hiền T, chức vụ Trưởng Phòng thu hồi nợ pháp lý, kiêm quản lý pháp chế VBank. Có mặt.

Ông Lê Hiền T được ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị VPB ủy quyền khởi kiện theo Văn bản ủy quyền số 06/2016/UQ-CT ngày 08/2/2017.

2. ***Bị đơn***: Ông **Trần Đình C** – Sinh năm 1968 – Địa chỉ cư trú: Tổ 29 phường H, quận H, tp Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/107 và bản tự khai tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu TP Đà Nẵng, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T ông Trương Ngọc Á trình bày:

Vào ngày 22/11/2014 Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Trần Đình C có ký hợp đồng tín dụng số 20141128 – 8020002 – 0002 để cho ông C vay số tiền là 21.000.000đ lãi suất là 3,0%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, theo thỏa thuận tại hợp đồng ông Trần Đình C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền là 41.010.000đ gồm tiền gốc và lãi, thời hạn trả trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả số tiền là 1.367.000đ vào ngày 01 hàng tháng bắt đầu thực hiện từ ngày 01/01/2015. Ông C đã trả được 10 kỳ với số tiền là 15.013.000đ. Nay ông C còn nợ số tiền là 25.997.000đ nhưng Ngân hàng chỉ yêu cầu ông C thanh toán số tiền là 15.645.812đ (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm mười hai đồng), Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông C thanh toán nhưng ông C vẫn cố tình day dưa không trả cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông C phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 15.645.812đ (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm mười hai đồng).

Tại biên bản hòa giải ngày 30/5/2017 và bản khai bị đơn ông Trần Đình C trình bày:

Ông Trần Đình C thừa nhận ngày 22/11/2014 ông và Ngân hàng TMCP Việt Nam T có ký hợp đồng tín dụng số 20141128 – 8020002 – 0002 để vay số tiền là 21.000.000đ lãi suất là 3,0%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, theo thỏa thuận tại hợp đồng ông có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền là 41.010.000đ gồm tiền gốc và lãi, thời hạn trả trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả số tiền là 1.367.000đ vào ngày 01 hàng tháng bắt đầu thực hiện từ ngày 01/01/2015. Ông đã trả được 10 kỳ với số tiền là 15.013.000đ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông thanh toán số tiền là 15.645.812đ (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm mười hai đồng), nhưngvì điều kiện gia đình hiện nay khó khăn nên ông xin trả mỗi tháng là 1.367.000 từ tháng 6/2017 cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa ông Trần Đình C vắng mặt lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, và quyết định hoãn phiên tòa cho ông Trần Đình C nhưng ông C vẫn cố tình vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Đình C.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Xét yêu cầu đòi nợ vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với ông Trần Đình C thì thấy:

[2.1] Ngày 22/11/2014 Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã phê duyệt hồ sơ vay theo đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng của ông Trần Đình C ghi ngày 22/11/2014, theo đó Ngân hàng cho ông Trần Đình C vay số tiền 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 20141128 – 8020002 – 0002 lãi suất là 3,0%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, theo thỏa thuận tại hợp đồng ông Trần Đình C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền là 41.010.000đ gồm tiền gốc và lãi, thời hạn trả trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả số tiền là 1.367.000đ vào ngày 01 hàng tháng bắt đầu thực hiện từ ngày 01/01/2015.

[2.2] Xét trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Đình C đã nhận đủ số tiền vay. Tuy nhiên, ông lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình, mà chỉ trả được 10 kỳ với số tiền là 15.013.000đ. Ông C thừa nhận hiện còn nợ số tiền là 25.997.000đ, Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Trần Đình C phải trả số tiền là 15.645.812đ (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm mười hai đồng) nhưng vì điều kiện gia đình khó khăn nên ông xin trả dần mỗi tháng 1.367.000đ cho đến khi hết nợ.

[2.3] Nên, Ngân hàng không có nghĩa vụ phải chứng minh các tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng đã đưa ra cho yêu cầu khởi kiện buộc ông Trần Đình C phải trả số tiền là 15.645.812đ (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm mười hai đồng) theo quy định Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do vậy Ngân hàng TMCP Việt Nam T đề nghị Tòa án buộc ông Trần Đình C phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 15.645.812đ (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm mười hai đồng) là có cơ sở quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngân hàng không yêu cầu ông Chánh phải tiếp tục trả lãi.

Hợp đồng tín dụng số 20141128 – 8020002 – 0002 ngày 22/11/2014 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Trần Đình C là hợp đồng tín chấp, hợp đồng cũng không thể hiện khoản nợ 15.645.812đ (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm mười hai đồng) là nợ chung của ông Trần Đình C và bà Hà Thị T và vợ ông C đối với Ngân hàng TMCP Việt Nam T, nên không có căn cứ xác

định bà Hà Thị T tham gia tố tụng tại Tòa án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do vậy HĐXX không có cơ sở buộc bà Hà Thị T phải có trách nhiệm cùng với ông Trần Đình C trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

[3] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn là ông Trần Đình C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên quyết định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

- Áp dụng: Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của TMCP Việt Nam T đối với ông Trần Đình C.

Buộc ông Trần Đình C phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền là 15.645.812đ (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Ông Trần Đình C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 782.290đ (Bảy trăm tám mươi hai ngàn hai trăm chín mươi đồng)

Ngân hàng TMCP Việt Nam T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 391.200đ theo biên lai số 009268 ngày 20/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu- TP Đà Nẵng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được hoặc niêm yết trích sao bản án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thu Ba